

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ**  
**XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **QUẢN LÝ CÔNG**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ THỊ HẢI HÀ**

2. Ngày tháng năm sinh: 26/10/1975; Nam  Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14B phố Hội Vũ, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học quản lý, Phòng 612C Toà A1, Trường đại học Kinh tế quốc dân, 207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0903969489

E-mail: hadh@neu.edu.vn

**7. Quá trình công tác:**

*Từ tháng 12 năm 1997 đến nay: giảng viên Trường đại học Kinh tế quốc dân, quá trình công tác cụ thể như sau:*

- Từ 12/1997 đến 7/1998: Giảng viên Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý.
- Từ 8/1998 đến 11/1999: Học cao học Kinh tế phát triển, Viện Nghiên cứu xã hội (Institute of Social Studies) tại La Hay, Hà Lan.
- Từ 12/1999 đến 3/2001: Giảng viên Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý.

- Từ 4/2001 đến 3/2003: Thực tập sinh theo học bổng Monbusho, Chính phủ Nhật Bản.
- Từ 4/2003 đến 11/2008: Giảng viên Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý. Học tập và hoàn thành chương trình tiến sĩ vào tháng 12/2006.
- Từ 12/2008 đến 1/2014: Trưởng bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý.
- Từ 2/2014 đến nay: Trưởng khoa Khoa học quản lý.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế quốc dân;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 - 36280280, ext 5609

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

**8. Đã nghỉ hưu:** Chưa nghỉ hưu.

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng Đại học ngày 17 tháng 4 năm 1997

Ngành: Kinh tế.

Chuyên ngành: Kinh tế học

Nơi cấp bằng ĐH: Đại học tổng hợp New England, Ôxtrâyliia

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 12 năm 1999

Ngành: Nghiên cứu phát triển

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Nơi cấp bằng ThS: Viện Nghiên cứu xã hội, La Hay, Hà Lan

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 14 tháng 6 năm 2007

Số văn bằng: 04875

Ngành: Kinh tế

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam

- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 26 tháng 12 năm 2012,**

Ngành: **Kinh tế**

- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở:**

**Trường Đại học Kinh tế quốc dân**

- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế**

### 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong hơn 25 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân, tôi tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

\* **Hướng nghiên cứu 1: Quản lý nhà nước.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về vai trò, bộ máy, chức năng, phương pháp, công cụ, các nhân tố ảnh hưởng, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với nền kinh tế, một ngành hoặc lĩnh vực cụ thể như giáo dục, y tế, hành chính công ...

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 16/60 bài

Số thứ tự [1], [2], [5], [7], [10], [12], [13], [15], [17], [21], [23], [25], [50], [54], [57], [60]

Trong đó, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín là **tác giả chính** sau PGS/TS là 1 bài: [57]

- Số lượng sách phục vụ đào tạo: 8/17 sách có số thứ tự [1], [2], [5], [8], [9], [10], [12], [15]

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản: 4/17 sách

Số thứ tự [5], [8], [9], [12]

- Đề tài khoa học: chủ nhiệm 2/5 đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở

Số thứ tự [1] [3]

- Hướng dẫn NCS đã có QĐ cấp bằng: 1/6 NCS

Số thứ tự [6]

\* **Hướng nghiên cứu 2: Chính sách công.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về phân tích và đánh giá chính sách, quá trình tổ chức thực thi chính sách của Nhà nước đối với một vấn đề công, cụ thể như giáo dục, y tế, nhà ở ...

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 21/60 bài

Số thứ tự [4], [11], [14], [16], [18], [22], [26], [27], [28], [29], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [39], [40], [41], [52], [58]

Trong đó, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín là **tác giả chính** sau PGS/TS là 3 bài: [40], [52], [58]

- Số lượng sách phục vụ đào tạo: 5/17 sách, có số thứ tự [7], [11], [13], [14], [16]

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản: 4/17 sách.

Số thứ tự [11], [13], [14], [16]

- Đề tài khoa học: chủ nhiệm 2/5 đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở

Số thứ tự [4], [5]

- Hướng dẫn NCS đã có QĐ cấp bằng: 4/6 NCS

Số thứ tự [1], [3], [4], [5]

\* **Hướng nghiên cứu 3: *Quản lý tổ chức và cung ứng dịch vụ công.*** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về các chức năng quản lý theo quy trình quản lý và theo lĩnh vực hoạt động của tổ chức; phân tích và đánh giá chất lượng, mô hình cung ứng dịch vụ công của Nhà nước như giáo dục, y tế, nhà ở ...

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 3 bao gồm:

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 23/60 bài

Số thứ tự [3], [6], [8], [9], [19], [20], [24], [30], [37], [38], [42], [43], [44], [45], [46], [47], [48], [49], [51], [53], [55], [56], [59]

*Trong đó*, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín là **tác giả chính** sau PGS/TS là 3 bài: [46], [53], [56]

- Số lượng sách phục vụ đào tạo: 4/17 sách, có số thứ tự [3], [4], [6], [17]

*Trong đó*, số lượng **sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới** xuất bản: 1/17 sách.

Số thứ tự [17]

- Đề tài khoa học: chủ nhiệm 1/5 đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở

Số thứ tự [2]

- Hướng dẫn NCS đã có QĐ cấp bằng: 1/6 NCS

Số thứ tự [2]

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn **06 NCS** bảo vệ thành công luận án TS, trong đó có:

+ Hướng dẫn chính một mình: **3 NCS**

+ Hướng dẫn chính: **2 NCS**

+ Hướng dẫn phụ: **1 NCS**

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **5 đề tài**, trong đó

+ **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH cấp Nhà nước;

+ **Chủ nhiệm 03** đề tài NCKH cấp Bộ và tương đương;

+ **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH cấp Cơ sở.

- Đã công bố **60 bài báo, báo cáo khoa học**, trong đó:
  - + **10 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus
  - + Là **tác giả chính** của **07 bài báo khoa học** trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus được công bố sau khi được công nhận PGS.
- Số lượng sách đã xuất bản: **17 quyển sách** thuộc các nhà xuất bản có uy tín, trong đó:
  - + Chủ biên **01 sách giáo trình** và đồng chủ biên **02 sách giáo trình**
  - + Thành viên **05 sách giáo trình**
  - + Chủ biên **02 sách chuyên khảo**
  - + Tác giả chính của **01 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới (Springer) xuất bản**
  - + Thành viên **06 sách chuyên khảo**
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

### **15. Khen thưởng:**

- Liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và cấp Bộ từ năm học 2012-2013 đến nay.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Tôi bắt đầu trở thành giảng viên của Trường Đại học Kinh tế quốc dân vào tháng 12 năm 1997, sau khi học cao học tại Hà Lan và thực tập tại Nhật Bản theo học bổng Monbusho, tôi đã nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế năm 2007 và được công nhận chức danh Phó giáo sư tháng 12 năm 2012.

Sau khi được công nhận chức danh Phó giáo sư, tôi đã dành nhiều thời gian cho việc xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đại học và sau đại học cũng như tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu. Tôi luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chuyên môn do Nhà trường, Khoa và Bộ môn phân công. Với vai trò là trưởng bộ môn Quản lý xã hội giai đoạn 2008-2014, trưởng khoa Khoa học quản lý từ 2014 đến nay, tôi đã không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của Khoa và của Nhà trường. Tôi tự đánh giá mình:

**Về phẩm chất chính trị:** Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường, địa phương nơi cư trú.

**Về đạo đức, lối sống:** Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, được người học, đồng nghiệp tôn trọng; lối sống lành mạnh, tích cực tìm tòi và áp dụng phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học hiện đại; thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng của nhà giáo, nhà khoa học.

**Về giảng dạy và công tác chuyên môn:** Có nhiều đóng góp trong việc xây dựng, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ giảng viên trẻ của Khoa, tiêu biểu là:

+ Chủ trì xây dựng mới và phát triển thành công chương trình đào tạo cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (EPMP) đến nay đã đào tạo đến khoá thứ 8, chương trình đã được kiểm định thành công năm 2021.

+ Chủ trì xây dựng mới và hoàn thiện 2 chương trình đào tạo cử nhân bằng tiếng Việt ngành Quản lý công và Khoa học quản lý, 2 chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành đào tạo Quản lý công và Quản lý kinh tế & Chính sách thuộc ngành Quản lý kinh tế, 2 chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý công và Khoa học quản lý thuộc ngành Quản lý kinh tế. Các chương trình đã được ban hành và đưa vào tuyển sinh.

+ Chủ trì, tham gia thiết kế và giảng dạy các học phần: *Essentials of Management* và *Introduction to Public Policy* cho chương trình EPMP; Học phần *Khu vực công và quản lý công* và *Quản lý cung ứng dịch vụ công* cho chương trình đại học, học phần *Quản lý nhà nước về kinh tế* và *Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế* cho chương trình cao học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

+ Là Trưởng khoa khoa Khoa học quản lý, tôi đã lãnh đạo Khoa đạt được nhiều thành tích như tập thể lao động xuất sắc và cờ thi đua của Bộ GD&ĐT năm học 2018-2019, liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. Triển khai đào tạo thành công chương trình đào tạo cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (EPMP), cử nhân Khoa học quản lý, cử nhân Quản lý công, cao học Quản lý kinh tế, tiến sĩ Quản lý kinh tế.

+ Tôi đã chú trọng việc phát triển giáo trình, học liệu của Khoa, bản thân tôi cũng đồng chủ biên và tham gia biên soạn 08 giáo trình học liệu cho các hệ đào tạo của Khoa, đặc biệt là đồng chủ biên 1 trong 3 giáo trình trọng điểm của trường ĐH Kinh tế quốc dân là cuốn giáo trình *Quản lý học*, chủ biên giáo trình *Khu vực công và quản lý công* đã được xuất bản và đưa vào sử dụng năm 2022.

### **Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:**

+ Tôi đã chú trọng phát triển các hoạt động NCKH của giảng viên và sinh viên trong khoa; chú trọng công tác phát triển bồi dưỡng giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ, khuyến khích các giảng viên theo học các chương trình đào tạo NCS tại các cơ sở GDĐH có uy tín ở trong và ngoài nước cũng như tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn để nâng cao năng lực giảng viên trong khoa. Khuyến khích các giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, chú trọng phát triển các kỹ năng mềm của sinh viên.

+ Tôi đã tập trung thực hiện các công trình NCKH để có thể công bố kết quả trong các hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia và các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Tôi đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ và cơ sở. Kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã được chuyển giao bằng nhiều hình thức khác nhau đến các

tổ chức, cơ quan và cá nhân, góp phần cho việc hoàn thiện chính sách nhà nước trong thời gian tới. Thông qua các đề tài NCKH này, năng lực nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên trong Trường và trong khoa đã được nâng cao, tạo động lực cho các giảng viên đặc biệt là các giảng viên trẻ tích cực tham gia nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu của mình.

+ Tôi đã làm chủ biên và tham gia viết các cuốn sách chuyên khảo và tham khảo phục vụ đào tạo đại học và sau đại học. Các cuốn sách này được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín và đã nhận được sự quan tâm của các học giả, học viên và cơ quan quản lý nhà nước.

+ Tôi cũng luôn tích cực tổ chức và tham gia chủ trì, trình bày tại các hội thảo khoa học các cấp.

+ Là giảng viên, nhà khoa học, tôi luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 25 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
1	2020-2021	4	-	5	10	192	192	384/840/189
2	2021-2022	4	-	5	10	144	144	288/652,8/189
3	2022-2023	3	-	5	10	144	240	384/912/189

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục

đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: Ôxtrâyliia; Từ năm 1993 đến năm 1996

- Bảo vệ luận văn  ThS; tại nước: Hà Lan; Năm 1999

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy: Chương trình EPMP, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH /CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Hữu Xuyên	X			X	2/2011 - 7/2013	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	2/12/2013
2	Mai Anh Bảo	X		X		12/2012 - 1/2016	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	16/5/2016
3	Nguyễn Thị Hồng Trang	X		X		5/2014 - 12/2016	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	14/4/2017
4	Đỗ Thị Minh Nhâm	X		X		8/2015 - 11/2019	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	27/3/2020



5	Cầm Anh Tuấn	X		X		10/2017-4/2021	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	30/9/2021
6	Mạc Thị Hải Yến	X		X		9/2020 - 7/2022	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	9/12/2022

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

T	T	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>							
1		<i>Quản lý học kinh tế quốc dân (Tập 1)</i>	GT	Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2001 GPXB: 123-235-1 ngày 29/6/01	6		Sách có 423 trang, 6 chương Viết một mình chương 2 70 - 127	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
2		<i>Quản lý xã hội</i>	GT	Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2006 QĐXB: 136-2006/CXB/45 6-06/KHKT	3	<b>Đồng CB</b> (3 CB)	Sách có 424 trang, 6 chương Viết một mình chương 2 48-121; chương 6 322-418	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
3		<i>Quản trị học</i>	GT	Nxb Giao thông Vận tải, 2006 Số ĐKKHXB: 151-2006/CXB/13 1-313-05/GTVT	8		Sách có 320 trang, 7 chương Viết một mình chương 6 241 - 283	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

4	<i>Khoa học quản lý – Tập 2</i>	GT	Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2008 QĐXB: số 300/QĐXB-NXBKHKT ngày 27/10/2008	11		Sách có 452 trang, 4 chương Viết một mình chương 9 101-169	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
5	<i>Những vấn đề cơ bản trong quản lý y tế, giáo dục và an sinh xã hội ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012 ISBN: 978-604-927-210-3	4		Sách có 211 trang, 4 chương Viết cùng 1 tác giả khác chương 2 39-83	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
6	<i>Quản lý học</i> Tái bản lần 6 Lần đầu XB năm 2011	GT	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2018 ISBN: 978-604-946-424-9	12	<b>Đồng CB</b> (3 CB)	Sách có 974 trang, 20 chương Viết một mình chương 9, 10 403 - 502	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
7	<i>Chính sách công (Chính sách kinh tế - xã hội)</i> Tái bản lần 3 Lần đầu XB năm 2000	GT	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2019 ISBN: 978-604-946-540-6	13		Sách có 543 trang, 12 chương Viết một mình chương 12 491 - 534	QĐ số 2267/QĐ-ĐHKQTQD ngày 12/11/2021
<b>II Sau khi được công nhận PGS</b>							
8	<i>Đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2013 ISBN: 978-604-927-754-2	18		Sách có 549 trang, 3 phần	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

9	<i>Tách biệt xã hội về kinh tế đối với nông dân Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia, 2013 GPXB: 3312-QĐ/NXBCTQG ngày 07-06-2013	10		Sách có 266 trang, 3 chương	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	<i>Quản lý giáo dục</i>	GT	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2019 ISBN: 978-604-946-538-3	10		Sách có 323 trang, 5 chương Viết cùng 1 tác giả khác chương 2 75-138	QĐ số 2266/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/11/2021
11	<i>Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020 ISBN: 978-604-57-6065-9	7		Sách có 287 trang, 3 chương	QĐ số 2852/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2021
12	<i>Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020 ISBN: 978-604-57-5982-0	7		Sách có 527 trang, 12 chương	QĐ số 2851/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2021
13	<i>Management for Sustainable and Inclusive Development in a Transforming Asia Chapter 6: Vocational training policy for ethnic minority labour in transitional</i>	CK	<b>Springer</b> ISBN 978-981-15-8194-6 ISBN 978-981-15-8195-3 (eBook)	43		Sách có 340 trang, 19 chương (43 tác giả). <b>Tác giả chính</b> chương 6, 103-123 (Có 4 tác giả viết chương 6)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

	<i>countries: the case study in the Northwestern of Vietnam</i>		Công bố 12/2020  DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3_6">https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3_6</a>				
14	<i>Chính sách công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Lý luận Chính trị 2020 ISBN: 978-604-962-554-1	5		Sách có 255 trang, 5 chương (5 tác giả).	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
15	<i>Khu vực công và Quản lý công</i>	GT	Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022 ISBN: 978-604-330-265-3	3	<b>CB</b>	Sách có 378 trang, 5 chương.  Viết một mình 2 chương (chương 1, 5 4-101, 290-365), Viết cùng 1 tác giả khác 3 chương 2,3,4 (102-289)	QĐ số 2350/QĐ-ĐHKTQ ngày 17/10/2022
16	<i>Chính sách đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023 ISBN: 978-604-57-8776-2	15	<b>CB</b>	Sách có 316 trang, 8 chương	QĐ số 572/QĐ-ĐHKTQ ngày 23/06/2023
17	<i>Quản lý cung ứng dịch vụ công</i>	CK	Nxb Dân trí, 2023 ISBN: 978-604-474-382-0	1	<b>CB</b>	Sách có 263 trang, 5 chương.  <b>Viết một mình</b>	QĐ số 573/QĐ-ĐHKTQ ngày 23/06/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: [13], [15], [16], [17]

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/P CN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>				
1	<i>Quản lý nhà nước với các dịch vụ công của một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam</i>	CN	Cấp cơ sở QĐ số 950/KH&HTQT ngày 27/4/2005	4/2005 - 12/2005	29/12/2005 Xếp loại tốt
2	<i>Đánh giá chất lượng dịch vụ công - Ứng dụng cho dịch vụ khám chữa bệnh trên địa bàn Hà Nội</i>	CN	Cấp bộ B2010-06.145 QĐ số 490/QĐ-ĐHKTQD ngày 5/5/2010	5/2010-10/2011	19/10/2011 Xếp loại xuất sắc
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS</b>				
3	<i>Chiến lược phát triển giáo dục đại học, quy hoạch mạng lưới các trường đại học, đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển các trường, các ngành trọng điểm của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay</i>	CN	Nhánh đề tài Nhà nước KHGD/16-20.ĐT003 QĐ số 2400/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2017	11/2017 - 1/2018	15/1/2018 Xếp loại xuất sắc
4	<i>Đề xuất mô hình phù hợp về dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc và khung giám sát đánh giá chính sách dạy nghề,</i>	CN	Nhánh đề tài Nhà nước CTDT.26.17/16-20	12/2017 - 10/2019	22/10/2019 Xếp loại xuất sắc

	<i>giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc</i>		QĐ số 2417/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2017		
5	<i>Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ Đổi mới</i>	CN	Cấp Nhà nước <i>CTDT.19.17/16-20</i> QĐ số 195/QĐ-UBND ngày 18/4/2017	4/2017-10/2020	14/10/2020 Xếp loại xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố** (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận PGS</b>							
1	<i>Quản lý nhà nước với vấn đề dịch vụ công</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			365: 22-23	9/2003
2	<i>Những đặc điểm chủ yếu của trào lưu quản lý công mới ở các nước OECD và CAPAM</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			87: 45-46	9/2004
3	<i>Nhân tố văn hóa trong cung ứng và tiêu dùng dịch vụ công</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			99: 55-56	9/2005
4	<i>Một số biện pháp nhằm thực hiện tốt chính sách giáo dục hệ mầm non</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			149 15-19	11/2009
5	<i>Một vài suy nghĩ về các nguyên tắc quản lý của Nhà nước</i>	1	X	Tạp chí Nhịp cầu Tri thức ISSN: 1859-2457			11 (23): 17-19	11/2009

6	<i>Một số điều kiện cần có để giúp giáo viên các trường đại học kinh tế Việt Nam tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia “Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực về kinh tế và quản trị kinh doanh trong các trường đại học phục vụ phát triển kinh tế xã hội” ISBN 978-604-909-294-7			380-383	1/2010
7	<i>Mô hình tăng trưởng kinh tế của một số nước châu Á - Bài học kinh nghiệm</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			155 (II): 138-140	5/2010
8	<i>Quan hệ công chúng với các tổ chức công</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			165: 47-50	3/2011
9	<i>Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh ở Việt Nam</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			168 (II): 25-29	6/2011
10	<i>Quản lý nhà nước với dịch vụ công và hàng hóa công cộng trong lĩnh vực môi trường</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			171: 3-9	9/2011
11	<i>Chính sách thuế của Nhà nước nhằm khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ</i>	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			172: 37-41	10/2011
12	<i>Một số giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước của tỉnh Nam Định</i>	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Đặc san tháng 11: 44-46	11/2011
13	<i>Giám sát cộng đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông</i>	1	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			180 (II): 61-64	6/2012

II	Sau khi được công nhận PGS							
14	<i>Income and Life Quality of Farmer Households Suffering Social Exclusion</i>	4		Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020			14 (3): 63-87 <a href="https://doi.org/10.33301/2012.14.03.04">https://doi.org/10.33301/2012.14.03.04</a>	12/2012
15	<i>Một số phương pháp quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản</i>	2		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			186 (II): 61-64	12/2012
16	<i>Enhancement of effectiveness of policies to promote the technological innovation by businesses</i>	3		Science and Technology Policy and Management ISSN: 1859-3801			2 (2): 1-10	2/2013
17	<i>Một số giải pháp của Nhà nước nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất rau của Việt Nam áp dụng VietGAP</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			209 (II): 55-63	11/2014
18	<i>Enhancing Technological Capability in Vietnam's Fruit and Vegetable Processing Enterprises</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế PAN-PACIFIC XXXII: Innovation in SOEs in the Digital Age ISBN: 1-931649-27-5			254-256	6/2015
19	<i>Perceptions of Vietnamese Businesses Regarding Electronic Customs</i>	2	X	Kỷ yếu quốc tế Hội thảo PAN-PACIFIC XXXII: Innovation in SOEs in the Digital Age ISBN: 1-931649-27-5			338-340	6/2015
20	<i>Cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			218: 2-10	8/2015
21	<i>Kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam</i>	3	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển			219 (II): 2-11	9/2015



				ISSN: 1859-0012				
22	<i>Internal Income of Farmer Households Suffering Economically Social Exclusion: Evidence from Vietnam</i>	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Emerging issues in economics and business in the context of international integration ISBN: 978-604-946-043-2			217-227	11/2015
23	<i>Trans-pacific partnership: opportunities and challenges for Vietnam</i>	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế ICYREB 2015: Economics, Management and Business in Global Society ISBN: 978-604-946-051-7			3-16	12/2015
24	<i>Khó khăn, thách thức và giải pháp trong công tác phát triển các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh đối với các khoa, viện trong Trường</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý đào tạo đại học trong điều kiện tự chủ ISBN: 978-604-946-128-6			144-156	6/2016
25	<i>Một số giải pháp thúc đẩy áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất rau ở Việt Nam</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Khai thác và thương mại hóa sáng chế trong một số ngành có lợi thế cạnh tranh ISBN: 978-604-946-172-9			127-137	9/2016
26	<i>Tính hấp dẫn của hoạt động sáng chế và động lực của nhà sáng chế ở Việt Nam</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			240 (II): 11-18	6/2017
27	<i>Evaluating the accessibility to housing support services for the poor and ethnic minorities in Vietnam</i>	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Emerging issues in economics and business in the context of			237-252	12/2017

				international integration ISBN: 978-604-946-330-3				
28	<i>Accessibility to health care services by the poor people and ethnic minorities in Vietnam</i>	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Emerging issues in economics and business in the context of international integration ISBN: 978-604-946-330-3			227-236	12/2017
29	<i>Reviewing the latest national policies and services for people with severe mental health disorders in government-funded institutions in Vietnam, and policy recommendations for service improvements</i>	4		Asia Pacific Journal of Social Work and Development ISSN: 2165-0993	SSCI (ISI) và Scopus (Q2)	4	28 (1): 56-68 <a href="https://doi.org/10.1080/02185385.2017.1418417">https://doi.org/10.1080/02185385.2017.1418417</a>	3/2018
30	<i>Dịch vụ xã hội cơ bản, dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số</i>	3	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm và đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số từ Đổi mới đến nay ISBN: 978-604-65-3453-2			1-15	5/2018
31	<i>Policies for higher education development in the People's Republic of China</i>	5		Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020			21 (Special Issue): 175-194	1/2019
32	<i>Factors affecting entrepreneurial intentions among youths in Vietnam</i>	5		Children and Youth Services Review ISSN: 0190-7409	SSCI (ISI) và Scopus (Q1)	141	99: 186-193 <a href="https://doi.org/10.1016/j.childyouth.2017.11.011">https://doi.org/10.1016/j.childyouth.2017.11.011</a>	4/2019

							<a href="#">9.01.03</a> <a href="#">9</a>	
33	<i>Đầu tư phát triển trường trọng điểm, ngành trọng điểm của Chính phủ Trung quốc và một số khuyến nghị cho Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Giáo dục đại học và một số vấn đề xã hội ở Việt Nam ISBN: 978-604-65-4001-4			10-15	4/2019
34	<i>Phát triển đại học đẳng cấp quốc tế: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam</i>	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			273: 23-26	6/2019
35	<i>China's higher education development: Policy review and recommendations</i>	6		Journal of Community Positive Practices ISSN: 1582-8344		2	XIX (3): 74-83 <a href="https://doi.org/10.35782/JCPP.2019.3.06">https://doi.org/10.35782/JCPP.2019.3.06</a>	9/2019
36	<i>Tự chủ đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam ISBN: 978-604-65-4377-0			12-21	9/2019
37	<i>Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	4	X	Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN: 1859-4565			32: 54-57	12/2019
38	<i>Tác động của đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản đến chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	3	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			273: 11-18	3/2020
39	<i>Dạy nghề và giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số: Thực trạng và giải pháp</i>	3		Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN: 1859-4565			33: 46-50	3/2020

40	<i>Ensuring basic education for ethnic minority groups in Vietnam</i>	8	X	Management Science Letters ISSN: 1923-9335	Scopus (Q4) Last coverage : 2020, 10(16): 4045-4054	1	10 (12): 2805-2812 <a href="http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2020.4.029">http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2020.4.029</a>	4/2020
41	<i>Việc làm cho lao động vùng dân tộc ở Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị giải pháp</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			562: 85-87	4/2020
42	<i>Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số ISBN: 978-604-65-4860-7			1-11	4/2020
43	<i>Ảnh hưởng của đào tạo nghề đến tiền lương của lao động vùng dân tộc thiểu số</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc: định hướng và giải pháp chính sách đến 2030 ISBN: 978-604-65-4907-9			11-22	5/2020
44	<i>Chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số: định hướng và giải pháp đến 2030 ISBN: 978-604-65-4908-6			13-23	5/2020
45	<i>Shortage in Access to Basic Social Services: A Case Study of Ethnic</i>	3	X	European Journal of			12 (17): 142-148	6/2020

	<i>Minority Groups in Vietnam</i>			Business and Management ISSN: 2222-1905			<a href="http://doi.org/10.7176/EJBM/12-17-15">http://doi.org/10.7176/EJBM/12-17-15</a>	
46	<i>Impact of Vocational Training on Wages of Ethnic Minority Labors in Vietnam</i>	8	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637	ESCI (ISI) WoS de-listed March 2023 Scopus (Q3) Last coverage: 2021, 8(4): 1076-1090	9	7 (6): 551-560 <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.51">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.51</a>	6/2020
47	<i>The Impact of Education on Child Abuse Prevention</i>	3	X	European Journal of Business and Management ISSN: 2222-1905			12 (20): 80-89 <a href="https://doi.org/10.7176/EJBM/12-20-09">https://doi.org/10.7176/EJBM/12-20-09</a>	7/2020
48	<i>Assessment of Basic Social Services Coverage on Life Quality for Ethnic Minorities in Vietnam</i>	4	X	International Journal of Innovation, Creativity and Change ISSN: 2201-1315		1	13 (10): 104-122 <a href="https://doi.org/10.53333/IJICC2013/131006">https://doi.org/10.53333/IJICC2013/131006</a>	10/2020
49	<i>Open Innovation strategy of small and medium sized manufacturing enterprises in Vietnam</i>	2	X	Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020			Special Issue: 55-71	4/2021
50	<i>Tác động của hệ thống thuế điện tử đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp Việt Nam</i>	2	X	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			287: 55-65	5/2021
51	<i>Đào tạo ngành Quản lý kinh tế, ngành Quản lý công tại trường Đại học Kinh tế quốc dân: Thực trạng và một số định hướng phát triển</i>	6	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản lý công, Quản lý			8-21	7/2021

				kinh tế và Chính sách ISBN: 978-604-65-3182-5				
52	<i>Policies on university autonomy in Vietnam</i>	2	X	Journal of Further and Higher Education ISSN: 1469-9486	ESCI (ISI) và Scopus (Q1)	1	46 (5): 575-585 <a href="https://doi.org/10.1080/0309877X.2021.1986475">https://doi.org/10.1080/0309877X.2021.1986475</a>	10/2021
53	<i>The impact of attitude towards an e-tax system on tax compliance of Vietnamese enterprises: Adoption of an e-tax system as a mediator</i>	4	X	Journal of Entrepreneurship, Management and Innovation ISSN: 2299-7326	ESCI (ISI) và Scopus (Q2)	2	18 (1): 35-64 <a href="https://doi.org/10.7341/20221812">https://doi.org/10.7341/20221812</a>	4/2022
54	<i>Models of university autonomy and their relevance to Vietnam</i>	4		Journal of Asian Public Policy ISSN: 1751-6242	SSCI (ISI) và Scopus (Q2)	3	15 (3): 394-410 <a href="https://doi.org/10.1080/17516234.2020.1742412">https://doi.org/10.1080/17516234.2020.1742412</a>	9/2022
55	<i>Chỉ số PAPI - Công cụ đánh giá chất lượng thể chế địa phương ở Việt Nam</i>	3	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới ISBN: 978-604-70-2488-8			9-22	10/2022
56	<i>Will tertiary lecturers' research motivations differ from publication types in developing countries? A case study of Vietnam</i>	4	X	Journal of Community Positive Practices ISSN: 1582-8344	Scopus (Q4)		XXII (4): 145-160 <a href="https://doi.org/10.35782/JCPP.2022.4.10">https://doi.org/10.35782/JCPP.2022.4.10</a>	12/2022

57	<i>Role of the government in the establishment of world-class universities in China</i>	2	X	Policy Futures in Education ISSN: 1478-2103	<b>ESCI (ISI) và Scopus (Q2)</b>	1	21 (2): 205–219 <a href="https://doi.org/10.1177/14782103221101775">https://doi.org/10.1177/14782103221101775</a>	2/2023
58	<i>Impact of Vocational Education and Training On Decent Job Opportunities Regarding Information and Communication Technology</i>	5	X	Journal of Technical Education and Training ISSN: 2229-8932	<b>ESCI (ISI) và Scopus (Q3)</b>		15 (1) 73-84 <a href="https://doi.org/10.30880/jtet.2023.15.01.007">https://doi.org/10.30880/jtet.2023.15.01.007</a>	3/2023
59	<i>Nghiên cứu, đánh giá cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp ngành hóa chất cơ bản Việt nam trong bối cảnh mới</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Nội hàm, nhân tố ảnh hưởng và cách tiếp cận nghiên cứu ISBN: 978-604-9994-62-3			230-236	3/2023
60	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển chính phủ số: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam ISBN: 978-604-474-401-8			119-129	6/2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS: **07** (tác giả thứ nhất hoặc/và tác giả liên hệ), bao gồm **[40], [46], [52], [53], [56], [57], [58]**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng, thiết kế mới chương trình đào tạo cử nhân <i>Quản lý công và chính sách bằng tiếng Anh EPMP</i>	Chủ trì	QĐ số 511/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/5/2014	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	QĐ số 109/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/01/2015	Tuyển sinh theo Thông báo số 1047/TB-ĐHKTQD ngày 31/8/2015 Đã được kiểm định theo Quyết định số



						213/QĐ-KĐCLV ngày 30/8/2021
2	Xây dựng, thiết kế mới chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy (từ K61, TS năm 2019) 02 ngành <i>Khoa học quản lý và Quản lý công</i>	Chủ trì	QĐ số 200/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 11/3/2019	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	QĐ số 1246/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 18/6/2019	Xây dựng mới theo ngành cấp IV Tuyển sinh theo Quyết định số 438/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 15/3/2019
3	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy (từ K63 TS năm 2021) 02 ngành <i>Khoa học quản lý và Quản lý công</i>	Chủ trì	QĐ số 78/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 22/02/2021 và QĐ số 86/QĐ-ĐKTQD ngày 24/02/2021	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	QĐ số 1344/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 26/7/2021	Tuyển sinh theo Quyết định số 545/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 02/4/2021
4	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành <i>Quản lý kinh tế</i> định hướng ứng dụng (chương trình <i>Quản lý kinh tế và chính sách và Quản lý công</i> )	Chủ trì	QĐ số 445/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 1/10/2021	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	QĐ số 10/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/1/2022	Tuyển sinh theo Thông báo số 120/TB-ĐHKQTĐ ngày 25/01/2022
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành <i>Quản lý kinh tế</i> (chuyên ngành <i>Khoa học quản lý và Quản lý công</i> )	Chủ trì	QĐ số 416/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 05/7/2022	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	QĐ số 655/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/10/2022	Tuyển sinh theo Thông báo số 2420/TB-ĐHKQTĐ ngày 30/12/2022

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà**